

Số: 40 /QĐ-PTNMT

Biên Hòa, ngày 16 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5406/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2020;

Theo đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các tổ chuyên môn phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu :VT,tổ HC.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
Biên Hòa, ngày 16 tháng 09 năm 2020
Nguyễn Tấn Vinh

Đơn vị: PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Chương: 626



**ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số: 40/QĐ-TNMT ngày 16/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|-------|---|--------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 0 |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | 0 |
| 1.1 | Lệ phí | 0 |
| 1.2 | Phí | 0 |
| 2 | Số thu khác | 0 |
| | Thu thẩm tra quyết toán | |
| 3 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 0 |
| 3.1 | Chi sự nghiệp | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | |
| 3.2 | Chi quản lý hành chính | 0 |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 0 |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | |
| 4 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | 0 |
| 4.1 | Lệ phí | 0 |
| 4.2 | Phí | 0 |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 2.062.851.007 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | -108.447.002 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | -71.568.032 |
| | - Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP | -71.568.032 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện tự chủ : | -36.878.970 |
| 1.2.1 | Kinh phí sao lục hồ sơ, tài liệu và đo đạc phục vụ công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai; kinh phí hỗ trợ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai. | -3.735.000 |
| | - Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP | -3.735.000 |
| 1.2.2 | Kinh phí hoạt động XPVPHC lĩnh vực môi trường, đất đai | -31.050.000 |
| | - Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP | -31.050.000 |
| 1.2.3 | Kinh phí đối thi hành pháp luật tại đơn vị (Theo Thông tư 38/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016) | -405.000 |
| | - Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP | -405.000 |

| | | |
|-------|--|----------------------|
| 1.2.4 | Bổ sung kinh phí phục vụ thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ | -1.688.970 |
| | - Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP | -1.688.970 |
| 1.3 | Kinh phí các sự nghiệp | 2.171.298.009 |
| 1.3.1 | Sự Nghiệp địa chính | 1.171.298.009 |
| | - Đăng ký đất đai cho các khu Gia đình quân nhân: Binh đoàn 16, Sư đoàn 370, Quân đoàn 4 | 1.171.298.009 |
| 1.3.2 | Sự Nghiệp môi trường: | 1.000.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói xúc, vận chuyển rác cự ly 48km năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói xúc, vận chuyển rác cự ly 40km năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói xử lý rác bằng phương pháp sản xuất phân vi sinh năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói xử lý rác bằng phương pháp chôn lấp năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xúc, vận chuyển rác cự ly 48km năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xúc, vận chuyển rác cự ly 40km năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xử lý rác bằng phương pháp sản xuất phân vi sinh năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xử lý rác bằng phương pháp chôn lấp năm 2021 | 100.000.000 |
| | - Chi phí thẩm định giá năm 2021 | 200.000.000 |